

Số: 20/KH-SYT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động, lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biển, đảo và ven biển

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-SYT ngày 19/01/2018 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 đối với các đơn vị tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-SYT ngày 12/02/2018 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018;

Sở Y tế xây dựng kế hoạch triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động, lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biển, đảo và ven biển như sau:

I. Thông tin chung

| Stt | Nội dung | Toàn tỉnh | Địa bàn Chiến dịch |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----------|--------------------|
| 1 | Tổng số huyện/thị/thành phố | 15 | 9 |
| 2 | Tổng số xã/phường/thị trấn | 145 | 58 |
| 3 | Dân số | 1.809.562 | 738.045 |
| 4 | Số phụ nữ 15-49 tuổi | 539.871 | 220.506 |
| 5 | Số phụ nữ 15-49 tuổi có chồng | 319.886 | 134.165 |
| 6 | Số cặp vợ chồng đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại. | 244.361 | 100.768 |

(Nguồn số liệu kho dữ liệu điện tử của Chi cục DS- KHHGD Quý 4 năm 2017)

II. Mục tiêu

Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biển, đảo và ven biển nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của cộng đồng về Dân số-KHHGD, huy động các cấp, các ngành, các đoàn thể tăng cường tuyên truyền vận động, hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại vùng biển, đảo và ven biển, ... góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch Dân số - KHHGD năm 2018, cụ thể:

1. Triển khai thực hiện chiến dịch tại 58 xã vùng biển, đảo và ven biển.

2. Đảm bảo thực hiện cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 tại các xã triển khai về đặt dụng cụ tử cung đạt từ 40% trở lên, về dịch vụ chăm sóc SKSS đạt từ 40% trở lên.

3. Cung cấp thông tin về SKSS/KHHGD và các dịch vụ dân số cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản, vị thành niên và thanh niên đồng thời tổ chức lồng ghép các hoạt động truyền thông nâng cao chất lượng dân số phù hợp với từng địa phương.

III. Các hoạt động chính

1. Tại cấp tỉnh

a. Tổ chức tuyên truyền vận động:

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng trước, trong, sau chiến dịch lồng ghép với truyền thông dân số & phát triển.

- Hướng dẫn và hỗ trợ tuyến huyện, xã thực hiện tốt các chương trình truyền thông và giám sát hỗ trợ trước và trong chiến dịch.

b. Tổ chức triển khai và hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật chăm sóc SKSS/KHHGD:

Sở Y tế tỉnh Kiên Giang giao Chi cục Dân số - KHHGD chủ trì phối hợp với Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản tỉnh lồng ghép tăng cường cung cấp dịch vụ, đảm bảo kinh phí, phương tiện tránh thai, thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao... phục vụ tốt cho chiến dịch.

2. Tại cấp huyện và xã

a. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện:

- Căn cứ hướng dẫn của Sở Y tế, BCD huyện chỉ đạo Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thị, thành phố phối hợp với Trung tâm Y tế và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch trình UBND huyện cùng cấp phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện chiến dịch cho các xã, phường, thị trấn; phân công thành viên trong BCD để chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện chiến dịch.

- Trạm Y tế xã xây dựng kế hoạch thực hiện chiến dịch trình UBND xã phê duyệt và báo cáo Trung tâm Dân số - KHHGD, Trung tâm Y tế huyện gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Hướng dẫn viên chức DS-KHHGD xã và CTV lập danh sách, phát thư mời đối tượng tham gia đăng ký thực hiện các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD và tổng hợp danh sách toàn xã.

+ Tham mưu cho lãnh đạo phân bổ chỉ tiêu cụ thể tới khu phố, ấp, tổ nhân dân tự quản, lấy việc hoàn thành chỉ tiêu chiến dịch làm tiêu chí thi đua, khen thưởng và đánh giá cuối năm; đồng thời phân công trách nhiệm cán bộ lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể chỉ đạo trực tiếp theo địa bàn.

+ Chuẩn bị địa điểm, bố trí phương tiện hỗ trợ tổ chức khám, tư vấn, thực hiện dịch vụ.

+ Xây dựng kế hoạch cung ứng dịch vụ CSSKSS/KHHGD và phối hợp với các đội dịch vụ tuyến huyện đáp ứng dịch vụ cho nhân dân.

+ Kế hoạch thời gian, tuyên truyền, vận động và cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD trước, trong, sau chiến dịch.

+ Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

b. Tuyên truyền vận động:

Trung tâm DS-KHHGD và Trạm Y tế tham mưu cho Ban chỉ đạo DS-KHHGD huyện, xã chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện:

- Tuyên truyền trên các kênh truyền thông của huyện, xã về KHHGD, nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, nhất là Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ thông qua việc lồng ghép tuyên truyền vận động vào các hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể. Các đơn vị triển khai tư vấn cần xây dựng kế hoạch báo cáo trước khi triển khai thực hiện (các buổi tư vấn cộng đồng, nói chuyện chuyên đề, họp nhóm ... phải đảm bảo đúng đối tượng đích).

- Tổ chức truyền thông tại cộng đồng nhằm chuyển tải những thông điệp tới các nhóm đối tượng thông qua nói chuyện chuyên đề, tư vấn nhóm nhỏ; khẩu hiệu tuyên truyền, tờ rơi..., đặc biệt coi trọng hệ thống truyền thanh xã trong tuyên truyền, vận động.

c. Tổ chức các đội dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD lưu động:

Trung tâm Y tế (Bệnh viện đa khoa) phối hợp với Trung tâm Dân số - KHHGD chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện đáp ứng dịch vụ:

- Tổ chức đội dịch vụ KHHGD lưu động của huyện thực hiện tư vấn, cung cấp các dịch vụ, khám và điều trị nhiễm khuẩn đường sinh sản, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và các dịch vụ chăm sóc SKSS khác cho nhóm đối tượng đặc thù tại các xã trong thời gian triển khai chiến dịch.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, thuốc thiết yếu, nhân lực phục vụ chiến dịch, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xây dựng phương án đảm bảo đầy đủ các điều kiện để đáp ứng kịp thời cho kế hoạch trong thời gian triển khai.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Địa bàn triển khai

Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biên, đảo và ven biển được thực hiện tại địa bàn 58 xã của 9 huyện, thị, gồm các xã, phường như sau:

1.1. Thành phố Rạch Giá (8 phường): An Hòa, Vĩnh Lạc, Rạch Sỏi, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp và Vĩnh Bảo.

1.2. Thị xã Hà Tiên (7 xã, phường): Đông Hồ, Bình San, Pháo Đài, Tô Châu, Thuận Yên, Mỹ Đức và Tiên Hải.

1.3. Huyện Kiên Lương (6 xã, thị trấn): Thị trấn Kiên Lương, Dương Hòa, Bình An, Bình Trị, Sơn Hải, Hòn Nghê.

1.4. Huyện Hòn Đất (8 xã, thị trấn): Bình Giang, Bình Sơn, Linh Huỳnh, Thổ Sơn, Sơn Bình, Sóc Sơn, Sơn Kiên và Mỹ Lâm.

1.5. Huyện Châu Thành (3 xã): Vĩnh Hòa Hiệp, Bình An, Vĩnh Hòa Phú.

1.6. Huyện An Biên (8 xã): Hưng Yên, Nam Thái, Tây Yên A, Tây Yên, Nam Thái A, Nam Yên, Đông Thái và Đông Yên.

1.7. Huyện An Minh (6 xã): Đông Hưng A, Tân Thạnh, Thuận Hòa, Vân Khánh, Vân Khánh Đông và Vân Khánh Tây.

1.8. Huyện Phú Quốc (8 xã, thị trấn): Dương Đông, An Thới, Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Cửa Cạn, Bãi Thơm và Gành Giàu.

1.9. Huyện Kiên Hải (4 xã): Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du.

Lưu ý: Tại các huyện triển khai chiến dịch, các xã còn lại không được hỗ trợ kinh phí, Trung tâm Dân số - KHHGD huyện tham mưu UBND huyện xin kinh phí để thực hiện. Ngoài ra, các Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thị, thành phố còn lại tùy theo điều kiện, tranh thủ tham mưu với UBND huyện xin bổ sung kinh phí địa phương tổ chức thực hiện hưởng ứng chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD/CSSKSS của tỉnh.

2. Thời gian triển khai:

- Triển khai kế hoạch tại tỉnh: Hội nghị ngày 16/3/2018 triển khai dự thảo trước. Sau khi ký kế hoạch, sẽ triển khai bằng văn bản.

- Triển khai kế hoạch tại các huyện: từ ngày **26-30/3/2018**.

- Triển khai chiến dịch tại xã, phường, thị trấn: từ ngày **01- 5/4/2018**.

- Thời gian tổ chức chiến dịch tại các huyện, thị, thành phố là 01 tháng (30 ngày): chiến dịch diễn ra từ ngày **01/4/2018** và kết thúc ngày **30/4/2018**.

3. Chỉ tiêu

| STT | Nội dung | Thực hiện |
|------------|------------------------------------------|------------------|
| I | Gói dịch vụ kế hoạch hóa gia đình | |
| 1 | Đặt dụng cụ tử cung | 4.152 cas |
| 2 | Thuốc tiêm | 1.480 cas |
| 3 | Thuốc cấy | 40 cas |
| 4 | Thuốc uống | 10.790 cas |
| 5 | Bao cao su | 10.650 cas |
| 6 | Khác (nếu có) | |
| II | Gói dịch vụ CSSKSS | |
| 1 | Khám phụ khoa | 9.280 cas |
| 2 | Điều trị phụ khoa | 6.496 cas |
| 3 | Pa'p smear (tầm soát K cổ tử cung) | 1.500 cas |
| 4 | Khác (nếu có) | |

4. Kinh phí triển khai chiến dịch

| Các nguồn | Toàn chiến dịch |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------|
| - Hỗ trợ 58 xã triển khai chiến dịch (700.000đ/1 xã) | 40.600.000 đ |
| - Hỗ trợ kinh phí khám phụ khoa (Gồm công khám và vật tư tiêu hao) | 46.400.000 đ |
| - Làm Pa'p smear (tầm soát K) | 136.300.000 đ |
| - Tỉnh mua thuốc điều trị phụ khoa | 123.757.000 đ |
| - Hỗ trợ đội dịch vụ lưu động | 29.000.000 đ |
| - Hỗ trợ kinh phí giám sát tuyến tỉnh | 10.000.000 đ |
| Tổng kinh phí (kinh phí dự toán) | 386.057.000 đ |

Bảng chữ: (Ba trăm tám mươi sáu triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

- Chi tiết xem **Phụ lục 1 và Phụ lục 2:** (Bảng phân bổ chi tiêu thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại chiến dịch đợt 1 năm 2018 và Bảng phân bổ chi tiêu và kinh phí thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 vùng biển đảo và ven biển).

- Kinh phí tổ chức thực hiện Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biển, đảo và ven biển từ nguồn kinh phí không tự chủ của tỉnh năm 2018. Việc quản lý sử dụng kinh phí được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành (Chi cục DS- KHHGD phân bổ và hướng dẫn các khoản chi theo định mức hướng dẫn của Tổng cục DS-KHHGD).

- Huy động ngân sách địa phương: Trung tâm Dân số - KHHGD, Trạm Y tế cần lập kế hoạch đề nghị UBND cùng cấp hỗ trợ thêm kinh phí, bảo đảm nguồn lực triển khai chiến dịch, và mở rộng địa bàn triển khai cho các xã, phường còn lại, đồng thời lồng ghép các buổi tư vấn cộng đồng, nói chuyện chuyên đề của các đề án, mô hình, chương trình nâng cao chất lượng dân số vào hoạt động truyền thông của chiến dịch.

V. Kiểm tra, giám sát và báo cáo

1. Tổ chức kiểm tra, giám sát

- Sở Y tế giao Chi cục Dân số-KHHGD thực hiện kiểm tra, giám sát trước, trong, sau chiến dịch (có kế hoạch cụ thể riêng).

- Nội dung kiểm tra giám sát tập trung vào công tác chuẩn bị, tiến độ triển khai các hoạt động, chất lượng dịch vụ và kết quả dịch vụ đến thời điểm kiểm tra giám sát.

- Các huyện xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát trước, trong, sau chiến dịch tại 100% số xã triển khai. Tập trung vào công tác chuẩn bị, đặc biệt là chuẩn bị các điều kiện để triển khai dịch vụ tại Trạm Y tế, tổ chức tuyên truyền vận động đối tượng, tiến độ triển khai các hoạt động, chất lượng dịch vụ và kết quả dịch vụ, phát hiện những khó khăn, vướng mắc của xã để hỗ trợ, xử lý.

2. Thống kê, báo cáo

- Sở Y tế Kiên Giang giao Chi cục Dân số - KHHGD hướng dẫn cấp huyện thực hiện thống nhất chế độ thống kê báo cáo theo nguyên tắc: Kết quả thực hiện dịch vụ trong chiến dịch; danh sách người thực hiện KHHGD phải được thống nhất, lưu tại Trạm Y tế để quản lý, theo dõi.

- Trung tâm Dân số - KHHGD huyện hướng dẫn các xã xây dựng báo cáo và làm đầu mối thu thập thông tin, thống kê, tổng hợp báo cáo chiến dịch của huyện gửi về Chi cục DS-KHHGD khi kết thúc chiến dịch theo quy định.

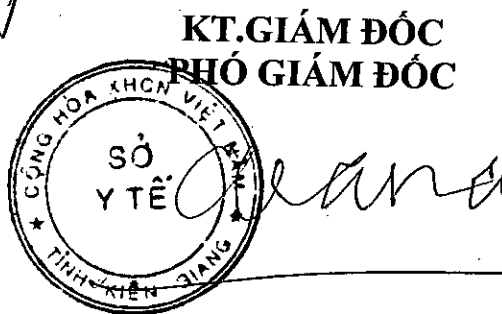
Việc triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đợt 1 năm 2018 đến vùng biển, đảo và ven biển là một trong những hoạt động thiết thực nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch công tác Dân số - KHHGD của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Sở Y tế Kiên Giang giao Chi cục Dân số - KHHGD điều hành và trực tiếp chỉ đạo thực hiện chiến dịch, yêu cầu Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thị thực hiện chiến dịch xây dựng kế hoạch, báo cáo tổng kết chiến dịch gửi về Chi cục Dân số - KHHGD hạn chót như sau: Kế hoạch ngày **30/3/2018**; Báo cáo tổng kết chiến dịch ngày **05/5/2018**.

Trong quá trình triển khai thực hiện chiến dịch, nếu có gì vướng mắc, xin liên hệ với ông Trần Văn Nghị, Phó Trưởng phòng Truyền thông - Giáo dục, Chi Cục Dân số - KHHGD qua số điện thoại: 0773.812794 hoặc di động: 0949.776.788 để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGD (để b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Thành viên Ban chỉ đạo DS-KHHGD tỉnh;
- GD các PGD Sở Y tế;
- Trung tâm Chăm sóc SKSS tỉnh;
- UBND các huyện, thị, TP;
- TTYT, TTDS-KHHGD các huyện, thị, TP;
- Lãnh đạo CCDS;
- Lưu: VT, Chi cục DS-KHHGD.



Nguyễn Trúc Giang

Phụ lục 1:

BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI CHIẾN DỊCH ĐỢT 1 NĂM 2018

| TT | Đơn vị | Tổng 4 BPTT năm | Tổng chỉ tiêu chiến dịch (40%) | Dụng cụ tử cung | | Thuốc cấy | | Thuốc tiêm | | Thuốc uống | | Bao cao su | |
|----|------------------|-----------------------|-----------------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|
| | | | | Kế hoạch năm | Chỉ tiêu chiến dịch 40% | Kế hoạch năm | Chỉ tiêu chiến dịch 40% | Kế hoạch năm | Chỉ tiêu chiến dịch 40% | Kế hoạch năm | Chỉ tiêu chiến dịch 40% | Kế hoạch năm | Chỉ tiêu chiến dịch 40% |
| | Tổng cộng | 43,678 | 17,514 | 13,585 | 5,434 | 65 | 26 | 2,459 | 983 | 14,001 | 5,600 | 13,676 | 5,470 |
| 1 | TP. Rạch Giá | 9,821 | 3,930 | 2,637 | 1,055 | 15 | 6 | 773 | 309 | 3,100 | 1,240 | 3,300 | 1,320 |
| 2 | TX. Hà Tiên | 3,211 | 1,367 | 1,056 | 422 | 11 | 4 | 350 | 140 | 1,000 | 400 | 1,000 | 400 |
| 3 | Huyện Kiên Lương | 3,944 | 1,520 | 1,317 | 527 | 7 | 3 | 263 | 105 | 1,200 | 480 | 1,013 | 405 |
| 4 | Huyện Hòn Đất | 6,209 | 2,439 | 1,889 | 756 | 9 | 3 | 343 | 137 | 1,857 | 743 | 2,000 | 800 |
| 5 | Huyện Châu Thành | 2,930 | 1,161 | 962 | 385 | 5 | 2 | 105 | 42 | 930 | 372 | 900 | 360 |
| 6 | Huyện An Biên | 5,359 | 2,145 | 1,804 | 722 | 6 | 2 | 167 | 67 | 1,587 | 635 | 1,800 | 720 |
| 7 | Huyện An Minh | 4,445 | 1,845 | 1,498 | 599 | 5 | 2 | 218 | 87 | 1,527 | 611 | 1,364 | 545 |
| 8 | Huyện Phú Quốc | 6,517 | 2,609 | 2,116 | 846 | 7 | 3 | 200 | 80 | 2,300 | 920 | 1,900 | 760 |
| 9 | Huyện Kiên Hải | 1,242 | 499 | 306 | 122 | 2 | 1 | 40 | 16 | 500 | 200 | 400 | 160 |

Phụ lục 2:

**BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH TRUYỀN THÔNG
LỒNG GHÉP DỊCH VỤ CSSKSS/KHHGD ĐỢT 1 NĂM 2018 VÙNG BIỂN, ĐẢO VÀ VEN BIỂN**

| Stt | Đơn vị | Chỉ tiêu thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ | | | | Kinh phí thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ | | | | | | |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| | | Số xã | Số ca khám phụ khoa (160 ca/xã) | Số ca điều trị phụ khoa (70% * số ca khám PK) | Số ca làm pap tầm soát ung thư (bình quân 23 ca/xã) | Thuốc điều trị phụ khoa | Giám sát thực hiện chiến dịch | Làm Pap smear tầm soát ung thư (1.363 ca x 100.000đ/ca) (Thuê TT CSSKSS đọc kết quả) | Hỗ trợ đội dịch vụ lưu động (500.000đ/xã) (xăng xe + lưu trú...) | Khám phụ khoa (5.000đ/ca) (công khám + vật tư tiêu hao) | Tổ chức thực hiện chiến dịch (700.000đ/xã) (Băng rôn: 250.000đ/xã + Nước uống: 10.000đ/người/xã + Tài liệu: 150.000đ/xã) | Cộng |
| 1 | TP. Rạch Giá | 8 | 1,280 | 896 | 188 | | | 18,800,000 | 4,000,000 | 6,400,000 | 5,600,000 | 34,800,000 |
| 2 | TX. Hà Tiên | 7 | 1,120 | 784 | 165 | | | 16,450,000 | 3,500,000 | 5,600,000 | 4,900,000 | 30,450,000 |
| 3 | H. Kiên Lương | 6 | 960 | 672 | 141 | | | 14,100,000 | 3,000,000 | 4,800,000 | 4,200,000 | 26,100,000 |
| 4 | H. Hòn Đất | 8 | 1,280 | 896 | 188 | | | 18,800,000 | 4,000,000 | 6,400,000 | 5,600,000 | 34,800,000 |
| 5 | H. Châu Thành | 3 | 480 | 336 | 71 | | | 7,050,000 | 1,500,000 | 2,400,000 | 2,100,000 | 13,050,000 |
| 6 | H. An Biên | 8 | 1,280 | 896 | 188 | | | 18,800,000 | 4,000,000 | 6,400,000 | 5,600,000 | 34,800,000 |
| 7 | H. An Minh | 6 | 960 | 672 | 141 | | | 14,100,000 | 3,000,000 | 4,800,000 | 4,200,000 | 26,100,000 |
| 8 | H. Phú Quốc | 8 | 1,280 | 896 | 188 | | | 18,800,000 | 4,000,000 | 6,400,000 | 5,600,000 | 34,800,000 |
| 9 | H. Kiên Hải | 4 | 640 | 448 | 94 | | | 9,400,000 | 2,000,000 | 3,200,000 | 2,800,000 | 17,400,000 |
| 10 | Chi cục Dân số | | | | | 123,757,000 | 10,000,000 | | | | | 133,757,000 |
| | Tổng cộng | 58 | 9,280 | 6,496 | 1,363 | 123,757,000 | 10,000,000 | 136,300,000 | 29,000,000 | 46,400,000 | 40,600,000 | 386,057,000 |